TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sĩ Tiến

2. Ông Vũ Văn Chương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Căn cước công dân số 019190000579 cấp ngày 10/5/2023

Địa chỉ thường trú: số A N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

+ *Bị đơn:* Ông Quách Ngọc Tùng L, sinh năm 1990 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Căn cước công dân số 038090017269 cấp ngày 26/3/2026

Địa chỉ: 360/38/29 B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 360/9 B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Quách Ngọc Tùng L tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2016 ngày 05/12/2016.

Nay vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc. Vợ chồng không hợp tính tình nên thường gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông L.

Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung tên là Quách Ngọc Tùng A, sinh ngày 12/5/2016. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách Ngọc Tùng L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2016. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không còn tình cảm nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý. Tuy nhiên vì bận công việc nên ông L không thể đến Tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung tên là Quách Ngọc Tùng A, sinh ngày 12/5/2016. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, ông L đồng ý. Ông L sẽ tự cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Quách Ngọc Tùng L tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2016 ngày 05/12/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông L, bà Thủy C sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do không hợp tính tình nên thường gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Ông L, bà T đã có thời gian sống ly thân từ năm 2021 đến nay,

không còn chung sống với nhau nữa. Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì ông Quách Ngọc Tùng L cũng đồng ý ly hôn.

Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy, ông L và bà T thuận tình ly hôn nên ghi nhận, yêu cầu của bà T xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Quách Ngọc Tùng L có 01 (một) con chung tên là Quách Ngọc Tùng A, sinh ngày 12/5/2016. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà T và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu Tùng A muốn ở với mẹ nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do bà T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L không phải chịu án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Quách Ngọc Tùng L về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Quách Ngọc Tùng L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Quách Ngọc Tùng L có 01 (một) con chung tên là Quách Ngọc Tùng A, sinh ngày 12/5/2016.

Giao cháu Quách Ngọc T1 Anh cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông Quách Ngọc Tùng L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Quách Ngọc Tùng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026149 ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp xong án phí. Ông Quách Ngọc Tùng L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - TP. HCM;
- Thi hành án Dân sự TP. HCM;
- UBND phường Tam Thắng, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Yến Oanh